

TIÊU LUẬN KINH TẾ CHÍNH TRỊ

**TƯ TƯỞNG “PHÁP TRỊ” CỦA HÀN PHI TỬ VÀ
VẬN DỤNG TRONG QUẢN LÝ DOANH
NGHIỆP HIỆN ĐẠI**

LỜI MỞ ĐẦU

Kinh tế là một thế giới động luôn phát triển và không ngừng thay đổi, nhất là vào thời đại ngày nay khi chạm ngõ thế kỷ XXI, trên thế giới chu trình toàn cầu hoá là tất yếu khách quan của tăng trưởng, nó tạo ra những khó khăn và thách thức mới cho các doanh nghiệp ở Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung. Việc quản lý tốt hay không, luôn là vấn đề có ảnh hưởng đến sự tồn vong của một doanh nghiệp. Nhưng để quản lý tốt cần phải có những yếu tố nào? yếu tố kinh doanh hiện đại hay yếu tố quản lý truyền thống. Quá trình phát triển các học thuyết quản lý trải qua hàng nghìn năm những gì tích lũy của quá khứ là của cải cho tương lai. Đặc biệt với phong thái quản lý phương Đông - một phong thái gần gũi với Việt Nam vẫn đứng trong kinh doanh thời đại “viễn thông - tên lửa”. Nổi bật nhất là tư tưởng pháp trị vang bóng một thời của Hàn Phi Tử. Em quyết định chọn đề tài: Tư tưởng “Pháp trị” của Hàn Phi Tử và vận dụng trong quản lý doanh nghiệp hiện đại, nhằm mục đích giải thích, giới thiệu tìm hiểu liệu trong giai đoạn này nó còn đúng đắn hay không hay đã lỗi thời.

Do tư liệu ít, ít người đề cập hay quan tâm đến vấn đề này. Đề tài quá rộng người viết không đủ khả năng khái quát hoặc đưa ra nhận xét hợp lý khi kinh nghiệm thực tiễn không nhiều. Mặt khác do thời gian gấp rút đã làm cho người viết lúng túng khi trong nhận định phân giải. Vượt qua khó khăn, người viết quyết tâm theo đuổi đề tài này, những mong có thể góp một phần nhỏ của mình vào việc nghiên cứu.

Xin chân thành cảm ơn.

CHƯƠNG I

TƯ TƯỞNG “PHÁP TRỊ” CỦA HÀN PHI TỬ

I. Tư tưởng “pháp trị” của Hàn Phi Tử

1. Hoàn cảnh lịch sử và cuộc đời của Hàn Phi Tử

1.1. Bối cảnh xã hội Trung Hoa cổ đại thời Hàn Phi Tử

Lịch sử Trung Hoa cổ đại có hai thời kỳ được nói đến nhiều nhất: Xuân thu và Chiến quốc. Thời Xuân thu (770-403 TCN) là thời kỳ suy tàn của nhà Chu, đây chính là thời kỳ sinh sống của Lão Tử, Khổng Tử (551-479 TCN).

Thời Chiến quốc (403-221 TCN) từ gần cuối đời Uy Liệt Vương, tới khi nhà Tần diệt nhà Tề thống nhất đất nước, đó là thời kỳ sinh sống của Hàn Phi Tử (280-233 TCN).

So với thời Xuân Thu thì Chiến Quốc loạn lạc và bất ổn định hơn về chính trị, nhưng lại phát triển hơn về kinh tế. Trong thời Xuân Thu, công cụ sản xuất và khí giới chủ yếu là bằng đồng. Sắt bắt đầu được dùng cuối thời kỳ này và trở nên thông dụng vào thời Chiến Quốc, do đó, thúc đẩy việc mở rộng đất đai nông nghiệp, tăng năng suất lao động. Đây là thời kỳ đạo đức suy đồi, người ta chỉ tìm mọi cách để tranh lợi. Quan lại tham nhũng, ăn chơi xa hoa truy lạc; chiến tranh kéo dài liên miên khiến cho đời sống của nhân dân càng thêm đói khổ cùng cực. Trước tình cảnh xã hội như vậy, tầng lớp quý tộc và tầng lớp trí thức có sự chia rẽ về tư tưởng.

1.2. Tư tưởng pháp gia của Hàn Phi

Thời Chiến Quốc chính là thời kỳ lịch sử phát triển rực rỡ về tư tưởng “trăm hoa đua nở”, “bách gia chư tử”.

Ở thời kỳ này có 3 dòng tư tưởng lớn nhất cùng tồn tại đó là:

- Phái thứ nhất có Nho gia và Mặc Tử, Khổng Tử muốn khôi phục nhà Chu. Mặc Tử, Mạnh Tử, Tuân Tử thấy nhà Chu suy quá, không cứu được, lại mong có vị minh quân thay Chu thống nhất Trung Hoa bằng chính sách Đức trị có sửa đổi ít nhiều.

- Phái thứ hai, phái Đạo gia muốn giảm thiểu, thậm chí giải tán chính quyền, sống tự nhiên như thuở sơ khai, từ bỏ xã hội phong kiến để trở về xã hội cộng sản nguyên thủy.

- Thứ ba, phái pháp gia muốn dùng vũ lực lật đổ chế độ phong kiến phân tán và lập ra chế độ phong kiến quân chủ chuyên chế, thay “vương đạo” của Khổng Mạnh bằng chính sách “Bá đạo”.

Tư tưởng của Hàn Phi Tử: là dùng pháp trị nhưng lại trọng dân. Trước khi đặt ra luật lệ mới, ông để cho dân tự phê bình. Còn lập pháp thuộc về nhà vua; quy tắc lập pháp phải lấy tính người và phép trời làm tiêu chuẩn. Hành pháp thì phải công bố luật cho rõ ràng, thi hành cho nghiêm chỉnh, tránh thay đổi nhiều, phải “chí công vô tư”, “vua tôi, sang hèn đều phải theo pháp luật”, thưởng phạt phải nghiêm minh, “danh chính, pháp hoàn bị thì bậc minh quân chẳng có việc gì phải làm nữa, vô vi mà được trị”.

Chính sách cai trị phải dựa vào ý dân, dân muốn thì gì thì cấp cho cái đó, không muốn cái gì thì trừ cho cái đó. Hàn Phi Tử lại đưa ra quan điểm: bản chất con người là ác, muốn quản lý xã hội phải khởi xướng ra lễ nghĩa và chế định ra pháp luật để uốn nắn tính xấu của con người; theo các ông quản lý xã hội là vị Pháp chứ không vị Đức.

Hơn hai nghìn năm sau, tư tưởng vị lợi của Hàn Phi được tái hiện trong tư tưởng “con người kinh tế” - cơ sở triết học của học thuyết quản lý theo khoa học của Taylor và bản chất con người là lời nhác và ham lợi của “Thuyết X”, được Mc. Gregor đưa ra. Thực dụng hơn, cực đoan hơn trong tư tưởng quản lý so với thời Taylor. Hàn Phi đã mở rộng cái bản chất vị lợi đến mọi mối quan hệ gia đình và xã hội. Chẳng hạn trong mối quan hệ cha - con,

chữ “Hiếu” của Nho gia đã bị thay thế bằng sự tính toán lợi hại tàn nhẫn. Chúng ta có thể cho rằng, Hàn Phi là một người duy lý, duy lợi theo chủ nghĩa thực dụng. Song cũng phải thừa nhận rằng ông có một trí tuệ rất sâu sắc. Và chính ông đã vì sự tồn vong của đất nước mình mà phải chịu chết thảm, tuy rằng ông biết trước đó là số phận chung của các pháp gia có tài và có tâm, nhiệt thành yêu nước. Kỳ lạ hơn, Hàn Phi đã vượt rất xa thời đại mình khi ông nêu ra tư tưởng đấu tranh sinh tồn và giải thích nguyên nhân của sự nghèo khổ là do dân số tăng lên quá nhanh, vượt xa sự gia tăng của sản xuất (xem thiên ngũ đố). Hàn Phi nhắc các vị vua phải cứng rắn, nghiêm khắc trong việc trị nước, đồng thời ông cũng mong muốn họ thực hiện chí công vô tư, từ bỏ tư lợi, tà tâm cứ theo phép công mà làm thì nước sẽ thịnh: “Không nước nào luôn mạnh, không nước nào luôn yếu. Người thi hành pháp luật (tức vua) mà cương cường thì nước mạnh, người thi hành pháp luật mà nhu nhược thì nước yếu... Cho nên ở vào thời kỳ này, nhà cầm quyền nào biết từ bỏ lợi, tà tâm mà theo phép công thì binh sẽ mạnh, địch sẽ yếu”. Mặc dù dân trí thấp, người dân chỉ biết cái lợi trước mắt..., nhưng Hàn Phi vẫn đề cao chính sách dùng người, tài năng của nhà cai trị thể hiện ở việc dùng sức, dùng trí của người khác. Đây là một tư tưởng rất sâu sắc về quản lý mà Hàn Phi đã nêu ra. Hàn Phi phát triển học thuyết của mình trên cơ sở kế thừa của các pháp gia trước ông, nhưng phải đến Hàn Phi thì nó mới trở nên sâu sắc, phổ biến với nhiều nội dung mới. Hàn Phi dùng chữ “pháp” theo nghĩa phép tắc, còn pháp gia nói tới “pháp” là chỉ pháp luật. Hàn Phi ví pháp luật với dây mực, cái quy, cái củ... tức là những đồ dùng làm tiêu chuẩn để phân biệt đúng sai, phải trái. Pháp không tách rời khỏi Thế và Thuật mà cùng tạo nên một cái kiềng ba chân. Luật pháp phải kịp thời. Hàn Phi viết: “Thời thay mà pháp luật không đổi thì nước loạn, đời đã thay đổi mà cấm lệnh không biến thì nước bị cắt”. Đối với Hàn Phi, pháp luật là thứ “phép công” điều khiển hành vi của mọi người. Trong các phạm trù cơ bản của pháp học thì pháp là quan trọng nhất,

sau mới đến Thế và Thuận. Hàn Phi đã kế thừa tư tưởng “vô vi” của Nho và Đạo, biến nó thành thuật cai trị của vua chúa.

Trong cai trị - quản lý thì “tiên phú, hậu giáo”- trước hết là làm cho dân giàu sau đó thì giáo dục họ. Trong giáo dục thì “tiên học lễ - hậu học văn”. Nho gia chủ trương cai trị bằng đạo đức, bằng văn và đã phát triển học thuyết-phương pháp Đức trị (Nhân trị). Ngược lại, Pháp gia đã đưa ra một học thuyết và phương pháp cai trị mới - Pháp trị “Pháp bất vị thân”, pháp phải hợp thời, pháp luật phải soạn sao cho dân dễ biết, dễ thi hành; pháp luật phải công bằng, bênh vực kẻ thiếu sót; thưởng phải trọng hậu, phạt phải nặng... Đó là tư tưởng về chính trị quản lý xã hội còn có ý nghĩa đối với hiện nay.

Vậy, thành công lớn nhất của giai đoạn này, mặc dù còn bị hạn chế dưới giác độ tư tưởng quản lý đã tạo lập nhiều quan điểm quản lý quan trọng thuộc phạm vi quản lý vĩ mô, đã vạch ra được lôgích của quá trình quản lý xã hội bao gồm các mức từ thấp đến cao: “Chính tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”, đã đưa ra được trình tự tiến hành các hoạt động quản lý: “trị đạo, trị học, trị thể, trị tài, trị phong, trị thuật” mà ngày hôm nay trong quản lý nói chung, và quản lý kinh tế nói riêng vẫn còn có thể khai thác và sử dụng tốt.

CHƯƠNG II

VẬN DỤNG TRONG QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP HIỆN ĐẠI

I. Vận dụng trong thực tiễn

Trong thực tiễn cải cách quản lý doanh nghiệp liên quan đến hai đặc tính lớn là tính dân tộc và tính thời đại của quản lý, về khách quan cũng tồn tại hai thái độ cực đoan đối với hai đặc tính lớn này. Đó chính là: Hoặc là chủ nghĩa bảo thủ dân tộc chỉ nhấn mạnh tính dân tộc của quản lý mà coi nhẹ tính thời đại, hoặc chủ nghĩa hư vô dân tộc chỉ nhấn mạnh tính thời đại của quản lý mà coi nhẹ tính dân tộc. Hai thái độ này, về nhận thức để phiên diện, trong thực tiễn đều là có hại. Noi gương kinh nghiệm của Nhật Bản, trong hai thái độ cực đoan này cũng nên tìm được “Trung đạo” và kiên trì “trung dung”. Đó chính là một mặt biểu hiện khác của đạo trung dung trong quản lý doanh nghiệp. “Trung đạo” này đòi hỏi sự thống nhất hoàn mỹ giữa tính dân tộc và tính thời đại hoá quản lý doanh nghiệp, thực hiện việc hiện đại hoá quản lý doanh nghiệp có bản sắc dân tộc, cũng tức là quản lý doanh nghiệp có đặc sắc của Trung Quốc.

Từ góc độ quản lý hiện đại, tiến hành phân tích, giám định toàn diện một lượt đối với quản lý truyền thống của Trung Quốc, cũng chính là xem xét một cách hệ thống “hiện thực” quản lý doanh nghiệp. Đối với những tư tưởng, lý luận, chế độ, phương pháp quản lý doanh nghiệp được chứng minh qua thực tiễn lâu dài, đã có đặc điểm văn hoá dân tộc, lại phù hợp với đặc trưng cơ bản của quản lý doanh nghiệp hiện đại, phải tiến hành khẳng định, kế thừa và phát triển một cách đầy đủ. Đối với những cái có đặc điểm văn hoá dân tộc, nhưng không hoàn toàn phù hợp với đặc trưng cơ bản của quản lý doanh nghiệp hiện đại, nên căn cứ yêu cầu của quản lý hiện đại. Dưới tiên đề giữ gìn đặc tính cơ bản dân tộc, tiến hành cải tạo, loại bỏ, làm cho nó phù hợp với đòi hỏi của quản lý hiện đại. Chẳng hạn thực tiễn công tác giáo dục tư tưởng tiến hành

mấy chục năm lại đây trong các xí nghiệp của Trung Quốc đại lục đã phù hợp với quan niệm nghĩa lợi trong truyền thống văn hoá dân tộc, lại nhất trí ở trình độ tương đối lớn với quản lý mềm, quản lý của thế giới ngày nay rất chú trọng đối với các doanh nghiệp.

Về thực tiễn, quản lý đã có từ lâu. Nhưng quản lý trở thành một khoa học thì khởi đầu phải nói là phương Tây. Ở thế kỷ này, nhất là trước thập kỷ 70, quản lý học phát triển nhanh chóng, các học phái mọc ra như nấm, một cảnh tượng phát triển rực rỡ. Cần phải nói rằng, về mặt khoa học hoá, định lượng hoá về quản lý thì quản lý phương Tây có công đầu.

Tóm lại: Quản lý doanh nghiệp kiểu Trung Quốc và Nhật Bản cần phải có nét khái quát lớn. Song nó không phải là trạng thái tĩnh, mà là trạng thái động. Nó dứt khoát không phải là một loại mô thức cứng nhắc cố định, hình thức cụ thể của nó phải tùy từng nơi mà chế định biện pháp thích hợp, tùy lúc mà chế định biện pháp thích hợp, từ đó mà là cái trăm ngàn dáng vẻ, phong phú, đa dạng.

II. Những lợi hại của “Pháp trị” trong quản lý

Pháp trị là chế độ pháp luật của người thống trị xây dựng theo ý chí của mình. Bao gồm định ra pháp luật, nguyên tắc, quy phạm hành động và trạng thái trật tự làm việc dựa theo chế độ pháp luật. Pháp trị gắn bó không tác rời dân chủ. Nó có chung hàm nghĩa với nền chính trị lập hiến, sinh ra đồng thời với hiến pháp. Hiến pháp, do công dân định ra, nó bảo đảm dân quyền, hạn chế chính phủ. Điểm cơ bản của pháp trị là lấy pháp để hạn chế quyền lực của chính phủ, bảo đảm quyền lợi công dân “Quyền lực thuộc về nhân dân”, “Chính phủ phải giữ luật”, là bộ cục cơ bản của pháp trị. Do vậy, tiêu điểm chính mà pháp trị quan tâm là hạn chế có hiệu quả vận dụng hợp lý quyền lực công cộng.

Cái hại của pháp trị nó còn thể hiện ở chỗ công hiệu của nó chỉ có hiệu quả trong một thời gian ngắn, mà không phải là lâu dài. Cũng tức là nói, nó

chỉ có thể cấm điều ác, không thể khuyên điều thiện. Do vậy, về hành vi ác, nó chỉ có thể ngăn chặn mà không thể tiêu diệt. Mà một tổ chức điều mong mỏi là yên ổn lâu dài. Điều này nếu chỉ dựa và pháp trị không thôi thì không làm nổi. Vừa có vấn đề đã phải ngăn chặn. Đối tượng không pháp trị có thể thi hành chức năng của mình, cũng có tính giới hạn rất lớn. Thập kỷ 50 của thế kỷ này, quản lý khoa học “củ cà rốt + cái gậy” của Taylor từng vang dội phương Tây. Đó là quản lý pháp trị điển hình.

Bên cạnh đó, chúng ta đã nói về lợi và hại của quản lý pháp trị, thì dưới đây, ta lại xem thử về lợi hại của quản lý đức trị.

Có thể nói pháp trị theo đôi là hiệu quả thời gian ngắn. Pháp trị là quản lý tính chiến thuật.

Chức năng của pháp trị dựa vào sức răn đe để duy trì. Răn đe từ ngoài tới, ép buộc cho con người. Sự phục tùng của mọi người là bị bắt buộc, miễn cưỡng, tiêu cực.

KẾT LUẬN

Những phân tích ở trên cho thấy rằng, trong thực tiễn quản lý pháp trị phải có đủ cả và kết hợp sử dụng, rộng mạnh cùng thi hành. Kết luận của thực tiễn quản lý mấy ngàn năm của Trung Quốc đối với hôm nay phải có ý nghĩa răn bảo. Không chỉ Trung Quốc, ngay ở Nhật Bản, giới xí nghiệp trong tổng kết thực tiễn, cũng rút ra kết luận như vậy. Nhà xí nghiệp nổi tiếng đương đại Songxia nói: “Là một người lãnh đạo, đối với ân uy phải phối hợp vận dụng được”; “ân uy kiêm sử dụng, rộng nghiêm thoả đáng, mới có thể giúp nhau cùng hoàn thành thu được hiệu quả một công đôi việc”.

Mục lục

	Trang
Lời nói đầu.	
Chương I: Các tư tưởng “Đức trị”, “pháp trị” của Khổng tử, Hàn Phi Tử	
I. Tư tưởng “Đức trị” của Khổng Tử	
1. Khổng Tử - Nhà quản lý xuất sắc	
2. Khổng Tử - Nhà tư tưởng quản lý thuyết Đức trị.	
2.1. Đạo nhân về quản lý	
2.2. Khổng Tử với tầng lớp quản lý chuyên nghiệp	
II. Tư tưởng “pháp trị” của Hàn Phi Tử	
1. Hoàn cảnh lịch sử và cuộc đời của Hàn Phi Tử	
1.1. Bối cảnh xã hội Trung Hoa cổ đại thời Hàn Phi Tử	
1.2. Tư tưởng pháp gia của Hàn Phi.	
2. Tư tưởng của Hàn Phi Tử	
Chương II: Vận dụng trong quản lý doanh nghiệp hiện đại	
I. Vận dụng trong thực tiễn	
II. Những điểm lợi và hại của “Đức trị”, “Pháp trị” trong quản lý và chúng có gì bổ xung cho nhau.	
1. Những lợi, hại của “pháp trị” trong quản lý	
2. Những lợi, hại của “Đức trị” trong quản lý	
3. Đức trị và Pháp trị có gì bổ sung cho nhau.	
III. Nhận xét	
Chương III: Kết luận	
Chương IV: Tài liệu tham khảo.	

